

TỜ TRÌNH

V/v: dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phưng án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Văn bản số 2237/UBQLV-CNHT ngày 18/10/2023 của Ủy ban QLVNN tại DN về việc hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Sài Gòn;
- Văn bản số 1625/BTC-TCDN ngày 07/02/2024 của Bộ Tài chính về việc hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Sài Gòn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn,

Liên quan đến thủ tục hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Điều lệ Công ty hợp nhất theo quy định áp dụng đối với công ty đại chúng theo mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 (theo tài liệu đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đào Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	11
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	12
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	12
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	13
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	13
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	14
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	14
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	14
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	20
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	25
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	34
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	36
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	36
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	36
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	36
Điều 33. Người điều hành Công ty.....	37
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	37
IX. BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	38
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	38
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát.....	39
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	40

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	40
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	41
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	41
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	41
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	42
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	43
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	43
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	43
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	44
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	44
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	44
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	44
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	45
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	45
Điều 47. Năm tài chính.....	45
Điều 48. Chế độ kế toán.....	45
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	45
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	45
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	46
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	46
Điều 51. Kiểm toán.....	46
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	46
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	46
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	46
Điều 53. Giải thể công ty	46
Điều 54. Thanh lý	46
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	47
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	47
Điều 56. Điều lệ công ty	47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	48
Điều 57. Ngày hiệu lực	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty hợp nhất: Công ty Cổ Phần vận tải Đường sắt được Đại hội đồng cổ đông 2 công ty bị hợp nhất: ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội thông qua ngày ... tháng năm 2024, ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn thông qua ngày ... tháng năm 2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - d) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *"Tổng công ty Đường sắt Việt Nam"* (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ";
 - g) *"Công ty"* là Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt;
 - h) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - i) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - k) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
 - l) *Người nội bộ doanh nghiệp* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát; Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
 - m) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - o) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - p) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - q) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - r) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao

gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RAILWAY TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: VRT

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84-24) 3942 1117

- Fax: (84-24) 3822 4736

- E-mail: ...

- Website: ...

- Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh: Số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn (vô thời hạn) kể từ Ngày thành lập. Việc chấm dứt hoạt động hoặc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:
 - Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
1.	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
2.	2431	Đúc sắt, thép
3.	2432	Đúc kim loại màu
4.	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
5.	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
6.	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
7.	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
8.	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (trừ giết mổ gia súc, gia cầm)
9.	1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
10.	1030	Chế biến và bảo quản rau quả
11.	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
12.	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, nước chấm các loại, muối, dầu ăn tại trụ sở)

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
13.	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
14.	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
15.	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hoạt động bến thủy nội địa)
16.	5224	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
17.	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)
18.	5310	Bưu chính
19.	5320	Chuyển phát
20.	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh)
21.	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)
22.	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên dụng ngành đường sắt
23.	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
24.	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
25.	5629	Dịch vụ ăn uống khác
26.	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)
27.	6190	Hoạt động viễn thông khác

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
28.	3020	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe
29.	3099	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
30.	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn; - Sản xuất chổi, bàn chải, bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, các loại chổi, bàn chải khác; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem dập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực và ribbon máy tính
31.	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
32.	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
33.	3319	Sửa chữa thiết bị khác
34.	3530	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá
35.	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
36.	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
37.	4632	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
38.	4633	Bán buôn đồ uống
39.	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)
40.	4781	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
41.	4911 (Chính)	Vận tải hành khách đường sắt
42.	4912 (Chính)	Vận tải hàng hóa đường sắt

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
43.	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
44.	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
45.	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
46.	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp
47.	9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao
48.	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
49.	9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
50.	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
51.	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, gồm: - Thiết kế đóng mới, phục hồi, nâng cấp, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị chuyên dùng cho ngành đường sắt; - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình, mau sắm thiết bị, phương tiện vận tải; - Khảo sát thiết kế và lập dự toán công trình giao thông vận tải đường sắt và đường bộ; - Tư vấn, đấu thầu, giám sát, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông vận tải; Tư vấn giám sát chất lượng lắp đặt và chuyển giao công nghệ máy móc, thiết bị công

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
		nghiệp và phương tiện giao thông vận tải
52.	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
53.	7310	Quảng cáo
54.	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình xây dựng)
55.	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ đóng mới, sửa chữa đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị chuyên dụng dùng cho ngành đường sắt
56.	7710	Cho thuê xe có động cơ
57.	7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí
58.	7911	Đại lý du lịch
59.	7912	Điều hành tua du lịch
60.	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
61.	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá tài sản)
62.	4789	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
63.	4921	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
64.	4922	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
65.	4929	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác
66.	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt)
67.	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
68.	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
69.	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
70.	7990	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
71.	8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)
72.	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
73.	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức, sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;
- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ

này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với chiến lược phát triển chung của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.303.689.700.000 đồng (bằng chữ: Một nghìn ba trăm linh ba tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 130.368.970 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, trong đó cổ phần thuộc sở hữu của Người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại thời điểm thành lập các công ty trước hợp nhất bị hạn chế chuyển nhượng trong suốt thời gian cam kết. Người nắm giữ cổ phần mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài có quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần. Sau thời gian cam kết, các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của người lao động được bãi bỏ.

Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

8. Trong quá trình hoạt động, phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty có thể thay đổi. Việc thay đổi do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam lập phương án, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu của Người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài được tự do chuyển nhượng sau khi hết thời gian cam kết. Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa các công ty trước hợp nhất.

Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại

xây ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi

trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông còn lại dự họp và tham gia biểu quyết tán thành hoặc số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết còn lại tán thành đối với trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

n) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội

- đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng

nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết căn cứ theo nội dung cần thông qua (ghi Mã cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Giá trị của Phiếu biểu quyết,

Thẻ biểu quyết mà cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng Phiếu biểu quyết hoặc Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

Trường hợp biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết, việc biểu quyết được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và đảm bảo minh bạch, công bằng.

Trường hợp biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết, Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết một vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết để biểu quyết theo các nội dung sau: Tán thành; Không tán thành; hoặc Không có ý kiến. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết có ghi “Số cổ phần” sở hữu và/hoặc đại diện phải được hướng về phía Chủ tọa. Các Thẻ biểu quyết của Đoàn Chủ tọa hướng về phía các cổ đông ngồi đối diện.

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

Việc bỏ phiếu và kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của

chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông

qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo đề cử đồng tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên

được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng

vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như

ng nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết;
- g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- h) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo các nội dung quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị.

Số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông/nhóm cổ đông, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, điều kiện, tiêu chuẩn của pháp luật có liên quan và quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ

đồng quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- h) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- i) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại

- hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo

nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam,

đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm

việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng

ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Công ty:
 - a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
 - c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
 - d) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý, tổ chức cán bộ của Công ty.
5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty,
 - f) Tuyển dụng lao động;
 - g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
6. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 35 đến Điều 40 Điều lệ này.

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- f) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích

có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát.

Số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông/nhóm cổ đông, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, quy chế quản lý cán bộ của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại

khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban kiểm soát; Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

d) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban

người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư

cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính

năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa

chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác; Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ Công ty hợp nhất: Công ty Cổ Phần vận tải Đường sắt gồm 21 mục, 57 điều được Đại hội đồng cổ đông 2 công ty bị hợp nhất: ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội nhất trí thông qua ngày ... tháng năm 2024, ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn nhất trí thông qua ngày ... tháng năm 2024. Điều lệ Công ty Cổ Phần vận tải Đường sắt có hiệu lực kể từ ngày.....
2. Điều lệ được lập thành 15 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - (a) Ba (03) bản nộp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (là cổ đông tổ chức có vốn góp chi phối tại Công ty);
 - (b) Mười hai (12) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

...

Số: 567/TT-HDQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế bầu cử
thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Công ty hợp nhất

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn

Để tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty hợp nhất (Nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày Công ty hợp nhất chính thức hoạt động), Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty hợp nhất.

(Dự thảo Quy chế trình kèm)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Anh Tuấn

**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY HỢP NHẤT (NHIỆM KỲ 05 NĂM KỂ TỪ
NGÀY CÔNG TY HỢP NHẤT CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG)**

*(Kèm theo Tờ trình số 567/TTr-HĐQT, ngày 23/4/2024
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn)*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn;

Căn cứ dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất,

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (“Đại hội”) tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Kiểm soát viên (KSV) Công ty hợp nhất (nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty hợp nhất chính thức hoạt động) theo các quy định sau:

Điều 1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT và Kiểm soát viên; điều kiện ứng cử, đề cử, số lượng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên được bầu

1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT và Kiểm soát viên

1.1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và các điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty hợp nhất và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty hợp nhất;

c) Thành viên HĐQT Công ty hợp nhất có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;

d) Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty hợp nhất; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

1.2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và các điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty hợp nhất;

d) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty hợp nhất; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty hợp nhất;

e) Các Kiểm soát viên không phải là người làm việc tại bộ phận kế toán, tài chính của Công ty hợp nhất, không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán

độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn trong ba (03) năm liền trước đó;

g) Kiểm soát viên của Công ty hợp nhất không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty hợp nhất và công ty mẹ; người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty hợp nhất.

2. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và Kiểm soát viên

2.1. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu:

a) Từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị;

b) Từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c) Từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

d) Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

e) Từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên vào Hội đồng quản trị.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật

2.2. Điều kiện ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu:

a) Từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban kiểm soát;

b) Từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

c) Từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

d) Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

e) Từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên

hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật

3. Số lượng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên Công ty hợp nhất được bầu

3.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu (nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty hợp nhất chính thức hoạt động) là năm (05) thành viên;

3.2. Số lượng Kiểm soát viên được bầu (nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty hợp nhất chính thức hoạt động) là ba (03) người.

Điều 2. Quyền bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông chốt ngày 01/04/2024.

Điều 3. Phương thức bầu thành viên HĐQT và Kiểm soát viên Công ty hợp nhất

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT và Kiểm soát viên Công ty hợp nhất được thực hiện theo phương thức **bỏ phiếu kín** và **bầu dồn phiếu**.

2. Mỗi cổ đông được phát một tờ Phiếu bầu thành viên HĐQT và một tờ Phiếu bầu KSV, trong đó:

b) **Tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT của mỗi cổ đông** bằng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện của cổ đông đó nhân với số lượng thành viên HĐQT được bầu.

c) **Tổng số phiếu bầu Kiểm soát viên của mỗi cổ đông** bằng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện của cổ đông đó nhân với số lượng KSV được bầu.

3. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bầu thành viên HĐQT và Kiểm soát viên bằng cách điền số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên tham gia HĐQT và Ban kiểm soát sao cho tổng số phiếu cổ đông bầu cho các ứng cử viên HĐQT hoặc cho các ứng cử viên Kiểm soát viên trên mỗi tờ Phiếu bầu không lớn hơn tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên của cổ đông đó.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000 cổ phần. Cổ đông Nguyễn Văn A có 5.000 phiếu bầu thành viên HĐQT và 3.000 phiếu bầu thành viên BKS.

Tổng số phiếu mà cổ đông Nguyễn Văn A bầu cho các ứng cử viên tham gia HĐQT trên tờ Phiếu bầu thành viên HĐQT không được vượt quá 5.000 phiếu bầu. Tổng số phiếu mà cổ đông Nguyễn Văn A bầu cho các ứng cử viên Kiểm soát viên trên tờ Phiếu bầu Kiểm soát viên không được vượt quá 3.000 phiếu bầu.

4. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên (đối với mỗi Phiếu bầu), hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một ứng cử viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trống).

Điều 4. Phiếu bầu và ghi Phiếu bầu

1. Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số phiếu bầu theo mã số cổ đông.

2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được phát Phiếu bầu thành viên HĐQT và Phiếu bầu Kiểm soát viên theo Mã số cổ đông (sở hữu và/hoặc được ủy quyền).

3. Trường hợp ghi sai Phiếu bầu, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu và bầu cử đổi Phiếu bầu khác.

4. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải tự mình ghi vào Phiếu bầu.

Điều 5. Kiểm tra thùng phiếu và bỏ phiếu

1. Ban Kiểm phiếu và bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Phiếu bầu thành viên HĐQT và Kiểm soát viên được bỏ vào thùng phiếu bầu.

3. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ Phiếu bầu vào thùng phiếu theo hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp.

Điều 6. Kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu do Ban Kiểm phiếu và bầu cử thực hiện và tiến hành ngay sau khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu theo hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp.

Điều 7. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

1. Phiếu không theo Mẫu quy định, không được đóng Dấu treo của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

2. Phiếu bầu bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

3. Tổng số phiếu cổ đông bầu cho các ứng cử viên HĐQT hoặc cho các ứng cử viên Kiểm soát viên trên mỗi tờ Phiếu bầu lớn hơn tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên của cổ đông đó.

Điều 8. Quy định về trúng cử, biên bản kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu

1. Quy định về trúng cử thành viên HĐQT, BKS

Số lượng ứng cử viên trúng cử vào HĐQT là năm (05) và trúng cử vào Ban Kiểm soát là ba (03) người. Ứng cử viên trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ năm (05) thành viên HĐQT và ba (03) Kiểm soát viên cho Công ty hợp nhất.

Danh sách các ứng cử viên trúng cử thành viên HĐQT và KSV Công ty hợp nhất bắt đầu có hiệu lực kể từ thời điểm kết quả bầu cử thành viên HĐQT và KSV Công ty hợp nhất được ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của mỗi Công ty.

Danh sách các ứng cử viên trúng cử thành viên HĐQT và KSV Công ty hợp nhất chỉ có hiệu lực khi 05 ứng cử viên trúng cử thành viên HĐQT và 03 ứng cử viên trúng cử KSV Công ty hợp nhất theo kết quả bầu cử được ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn thông qua là giống nhau.

2. Biên bản kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu

Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho

thành viên cuối cùng bầu vào HĐQT và Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn 01 (một) ứng viên có số phiếu bầu cao nhất.

Nếu việc bầu lại vẫn chưa đạt được kết quả, ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT hoặc khuyết Kiểm soát viên và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu và bầu cử phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số phiếu trống; số phiếu và số quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên được bầu vào HĐQT và Ban kiểm soát.

Điều 9. Khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp.

Quy chế này gồm 9 Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Đào Anh Tuấn

TỜ TRÌNH

**Danh sách ứng cử viên đủ tiêu chuẩn tham gia
Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty hợp nhất
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty hợp nhất chính thức hoạt động)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn;

Căn cứ dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất;

Căn cứ Nghị quyết số 03-24/NQ-HĐQT ngày 07/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; Thông báo số 436/TB-VTSG ngày 08/4/2024 về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty hợp nhất,

Căn cứ Hồ sơ đề cử, ứng cử mà các cổ đông đã gửi Ban tổ chức ĐHĐCD thường niên 2024 Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn, danh sách các ứng cử viên đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty hợp nhất với nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty hợp nhất chính thức hoạt động, cụ thể như sau:

I. Danh sách ứng cử viên tham gia HĐQT là 04 người, bao gồm:

- Ông Đỗ Văn Hoan
- Ông Đào Anh Tuấn
- Ông Thái Văn Truyền
- Ông Nguyễn Văn Khiên

(Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên đính kèm).

II. Danh sách ứng cử viên tham gia BKS là 03 người, bao gồm:

- Ông Vũ Đình Điệp
- Ông Lê Trần Hùng
- Bà Vương Phương Thảo

(Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên đính kèm).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua danh sách các ứng cử viên đủ điều kiện tham gia HĐQT và BKS của Công ty hợp nhất nêu trên để ĐHĐCD tiến hành bầu cử.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.



10/2003 - 3/2008	Xí nghiệp Vận tải đường sắt Yên Lào	Phó Giám đốc		
4/2008 - 6/2011	Xí nghiệp Vận tải đường sắt Yên Lào	Giám đốc		
7/2011 - 12/2014	Công ty Vận tải hành khách đường sắt Hà Nội	Trưởng phòng TCCB - LĐ		
01/2015 - 01/2016	Công ty TNHH một thành viên Vận tải đường sắt Hà Nội	UV BTV Đảng ủy, Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc		
02/2016 - 5/2017	Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	UV BTV Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc		
6/2017 - 8/2017	Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	UV BTV Đảng ủy, Thành viên phụ trách Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc		
9/2017 - 11/2017	Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội	UV BTV Đảng ủy, Thành viên phụ trách Hội đồng quản trị Công ty		
12/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội.	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị		

11. Chức danh quản lý khác hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức danh	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../.../..... đến .../.../.....

12. Quan hệ nhân thân

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác
Bố	Đỗ Văn Phùng	1929	Đã mất		
Mẹ	Phạm Thị Mít	1930	Đã mất		
Vợ	Trần Nhật Tân	1978	T03 10-12A Khu đô thị Time City, P Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Nội trợ	
Con trai	Đỗ Đức Nghĩa	2002	Canada	Sinh viên	Đại học tại Manitoba, Canada
Con gái	Đỗ Gia Hân	2012	T03 10-12A Khu đô thị Time City, P Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Học sinh	
Chị	Đỗ Thị Cát	1949	Thanh Trì - Hà Nội	Hưu trí	
Anh	Đỗ Văn Thắng	1954	Liệt sỹ		
Anh	Đỗ Văn Thái	1958	Cẩm Giàng - Hải Dương	Hưu trí	
Anh	Đỗ Văn Sơn	1961	Cự Lộc - Hải Dương	Hưu trí	
Anh	Đỗ Văn Hải	1963	Chí Linh - Hải Dương	Kỹ sư	QĐPX Nhà máy Điện Phả Lại
Anh	Đỗ Văn Huy	1965	Biên Hòa - Đồng Nai	Hưu trí	

13. Các lợi ích có liên quan tới Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội:

Số lượng cổ phần nắm giữ: 25.680.569 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 7.300 cổ phần

Đại diện sở hữu: 25.673.269 cổ phần

14. Các thông tin khác: Không

Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2024

Người khai



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Minh Tuấn

Đỗ Văn Hoan

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ 02/2022 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT		

11. Các chức danh quản lý khác hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức danh	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến/...../.....

12. Quan hệ nhân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Đào Xuân Thùy	1945		Hưu trí	
Mẹ	Nguyễn Thị Diễm	1945	Đã mất		
Vợ	Nguyễn Thị Thủy Tiên	1978	Số 137/4A Xuyên Á, Dĩ An, Thuận An, Bình Dương	Kế toán	Tổng công ty 28 - TCHC Bộ Quốc phòng
Con gái	Đào Quỳnh Anh	2004	Số 137/4A Xuyên Á, Dĩ An, Thuận An, Bình Dương	Sinh viên	
Con gái	Đào Quỳnh Giang	2012	Số 137/4A Xuyên Á, Dĩ An, Thuận An, Bình Dương	Học sinh	
Chị	Đào Kim Bích	1968	Số 31/10/20 Đường 44, P.14, Gò Vấp, TP.HCM	CNV	Đoàn TVĐS Phương Nam
Anh	Đào Hùng Ngọc	1970	Số 198 Xóm Đất, P.10, Q.11, TP HCM	CNV	Chi nhánh VTĐS Sài Gòn

13. Các lợi ích có liên quan tới Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (nếu có):

Số lượng cổ phần nắm giữ hoặc được ủy quyền: 25.659.160 cổ phần
 Trong đó: Sở hữu cá nhân: 7.100 cổ phần
 Đại diện sở hữu: 25.652.060..... cổ phần

14. Các thông tin khác (nếu có):

Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chính quyền địa phương, hoặc
 cơ quan nơi công tác)



Đỗ Đình Duyệt

TP. HCM, ngày 23 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đào Anh Tuấn

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **THÁI VĂN TRUYỀN** Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 16/07/1975
- Nơi sinh: Xã Lâm Trung Thủy, huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh.
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 042075010688, cấp ngày: 11/8/2021.
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 373/172/24B Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Chỗ ở hiện tại: Chung cư Hado Centrosa Garden, số 200 đường 3/2- phường 12 - quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn:
- + Thạc sỹ Tổ chức và quản lý vận tải.
 - + Kỹ sư Vận tải và kinh tế đường sắt.
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn, chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Văn bằng chứng chỉ
Từ 09/1993 đến 03/1998	Đại học Giao thông vận tải	Vận tải và kinh tế đường sắt	Chính quy	Kỹ sư
Từ 05/2005 đến 12/2006	Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp lý luận chính trị	Tại chức	Trung cấp
Từ 04/2009 đến 07/2009	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia TP Hồ Chí Minh	Chuyên viên chính – Hành chính doanh nghiệp	Tại chức	Chứng chỉ
Từ 09/2012 đến 12/2014	Đại học Giao thông vận tải	Tổ chức và Quản lý Vận tải	Chính quy	Thạc sĩ
Từ 08/2019 đến 10/2019	Cao đẳng đường sắt	Bồi dưỡng nhân sự dự nguồn quy hoạch Ban chấp hành Đảng bộ Tổng công ty ĐSVN nhiệm kỳ 2020-2025	Bồi dưỡng	Chứng chỉ

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ 05/1998 đến 04/2001	Ga Mương Mán - Hạt vận chuyển ĐS Sài Gòn	Trực ban chạy tàu		
Từ 05/2001 đến 03/2004	Phòng vận chuyển Xí nghiệp LHVTĐS KV3	Điều độ chạy tàu		
Từ 04/2004 đến 06/2004	Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ vận tải - Công ty VTHKĐS Sài Gòn	Chuyên viên		
Từ 07/2004 đến 07/2007	Công ty VTHKĐS Sài Gòn	Cán bộ Đoàn chuyên trách, Phó Bí thư Đoàn thanh niên		
Từ 08/2007 đến 03/2010	Ga Sài Gòn - Công ty VTHKĐS Sài Gòn	Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật - An toàn Vận		

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
		tái		
Từ 04/2010 đến 12/2014	Ga Sài Gòn - Công ty VTHKDS Sài Gòn	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Trưởng ga		
Từ 01/2015 đến 11/2015	Đoàn TVĐS Phương Nam - Công ty TNHH MTV VTĐS Sài Gòn	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Công đoàn		
Từ 12/2015 đến 01/2016	Đoàn TVĐS Phương Nam - Công ty TNHH MTV VTĐS Sài Gòn	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc		
Từ 02/2016 đến 03/2019	Đoàn TVĐS Phương Nam - Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	UV. BCH Đảng bộ Công ty; Bí thư Đảng ủy, Giám đốc		
Từ 04/2019 đến 04/2020	Đoàn TVĐS Phương Nam - Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	UV. BCH Đảng bộ, TV.HĐQT Công ty; Bí thư Đảng ủy, Giám đốc		
Từ 05/2020 đến 06/2020	Đoàn TVĐS Phương Nam - Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	Phó Bí thư, CN UBKT Đảng ủy, TV.HĐQT Công ty; Bí thư Đảng ủy, Giám đốc		
Từ 07/2020 đến 10/2020	Đoàn TVĐS Phương Nam - Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	UV. BCH Đảng bộ TCT; Phó Bí thư, CN UBKT Đảng ủy, TV.HĐQT Công ty;		
Từ 11/2020 đến 11/2021	Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	UV. BCH Đảng bộ TCT; Phó Bí thư, CN UBKT Đảng ủy, TV.HĐQT, Phó Tổng giám đốc		
Từ 12/2021 đến 01/2022	Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	UV. BCH Đảng bộ TCT, Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ĐSVN tại Công ty; Phó Bí thư, CN UBKT Đảng ủy, TV.HĐQT, Phó Tổng giám đốc		
Từ 02/2022 đến 05/2022	Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	UV. BCH Đảng bộ TCT, Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ĐSVN tại Công ty; Phó Bí thư, CN UBKT Đảng ủy, TV.HĐQT, Tổng Giám đốc		
Từ 06/2022 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	UV. BCH Đảng bộ TCT, Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ĐSVN tại Công ty; Phó Bí thư Đảng ủy, TV.HĐQT, Tổng giám đốc		

11. Các chức danh quản lý khác hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức danh	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến/...../.....

12. Quan hệ nhân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Thái Văn Tuyên	1952	Đức Lâm – Đức Thọ - Hà Tĩnh	Hưu trí	
Mẹ	Hoàng Thị Đào	1952	Đức Lâm – Đức Thọ - Hà Tĩnh	Làm ruộng	
Vợ	Cao Thị Thao	1982	Số 373/172/24B Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình, TPHCM	Quân nhân CN	Quân y viện 7A
Con gái	Thái Quỳnh Giang	2008	Số 373/172/24B Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình, TPHCM	Học sinh	
Con gái	Thái Quỳnh Nga	2011	Số 373/172/24B Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình, TPHCM	Học sinh	
Con trai	Thái Gia Hưng	2019	Số 373/172/24B Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình, TPHCM	Học sinh	
Con trai	Thái Gia Kiên	2019	Số 373/172/24B Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình, TPHCM	Học sinh	
Em	Thái Thị Hồng Khương	1985	Q.Bình Tân, TPHCM	Nhân viên	DN tư nhân
Em	Thái Công Thống	1987	Q.Tân Phú, TPHCM	Nhân viên	KCN Hiệp Phước
Em	Thái Văn Triều	1990	Q.Bình Tân, TPHCM	Nhân viên	Đoàn TVĐS Phương Nam

13. Các lợi ích có liên quan tới Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (nếu có):

Số lượng cổ phần nắm giữ hoặc được ủy quyền: 13.818.014 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 5.366 cổ phần

Đại diện sở hữu: 13.812.648 cổ phần

14. Các thông tin khác (nếu có):

Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

T.P.HCM..., ngày 23 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Thái Văn Triều

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chính quyền địa phương, hoặc

cơ quan nơi công tác)



Đỗ Đình Duyệt

11. Các chức danh quản lý khác hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức danh	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến .../...../.....

12. Quan hệ nhân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Nguyễn Văn Phần	1923	Đã mất		
Mẹ	Nguyễn Thị Nhung	1927	Xuân Ninh - Xuân Trường - Nam Định	Làm ruộng	
Vợ	Đinh Thị Thu Hằng	1974	Số 58/105 Nguyễn Minh Hoàng, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM	Nhân viên	XN Đầu máy Sài Gòn
Con gái	Nguyễn Phương Anh	2004	Số 58/105 Nguyễn Minh Hoàng, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM	Sinh viên	
Anh	Nguyễn Huỳnh Phần	1952	Xuân Ninh - Xuân Trường - Nam Định	Hưu trí	
Chị	Nguyễn Thị Nghĩa	1955	Xuân Ninh - Xuân Trường - Nam Định	Làm ruộng	
Anh	Nguyễn Văn Phận	1958	Xuân Ninh - Xuân Trường - Nam Định	Hưu trí	
Chị	Nguyễn Thị Thuận	1963	Xuân Ninh - Xuân Trường - Nam Định	Làm ruộng	
Em	Nguyễn Trung Tuyển	1970	Xuân Ninh - Xuân Trường - Nam Định	Làm ruộng	

13. Các lợi ích có liên quan tới Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (nếu có): Không.

14. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

TP.HCM..., ngày 23 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chính quyền địa phương, hoặc

đơn vị quản lý nơi công tác)



Đỗ Đình Duyệt

Keo

Nguyễn Văn Khiên

11. Các chức danh quản lý khác hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức danh	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến/...../.....

12. Quan hệ nhân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Vũ Đình Dị	1946	Đã mất		
Mẹ	Nguyễn Thị Nhung	1952	Đã mất		
Vợ	Dương Thị Hiền Vân	1982	687/59/19 Lạc Long Quân, P,10, Tân Bình, TP.HCM	Giám sát tài vụ	CN VTĐS Sài Gòn
Con trai	Vũ Đình Nhật Quang	2007	687/59/19 Lạc Long Quân, P,10, Tân Bình, TP.HCM	Học sinh	
Con trai	Vũ Đình Nhật Quân	2010	687/59/19 Lạc Long Quân, P,10, Tân Bình, TP.HCM	Học sinh	
Em	Vũ Thị Hằng	1971		Công nhân	Công ty ép cọc, Q.Tân Bình
Em	Vũ Thị Nguyệt Ánh	1974		Kế toán	Nhà hát Lam Sơn
Em	Vũ Đình Dương	1976			Bệnh viện y học cổ truyền
Em	Vũ Thị Huệ	1979			Cục phát triển đô thị thuộc Bộ Xây dựng

13. Các lợi ích có liên quan tới Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (nếu có): Không.

14. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm Kiểm soát viên Công ty hợp nhất.

TP.HCM, ngày 23 tháng 04 năm 2024.

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Đình Diệp

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chính quyền địa phương, hoặc cơ quan nơi công tác)



Đỗ Đình Duyệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : LÊ TRẦN HÙNG

Giới tính: *Nam*

2. Ngày tháng năm sinh: 13/10/1977

Nơi sinh: Nghệ An

3. Quốc tịch: Việt Nam

4. Số CCCD: 040077029509

Ngày cấp: 11/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TT xã hội

5. Nơi đăng ký bộ khẩu thường trú: Số nhà 57, ngõ 554, Đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng – Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội.

6. Chỗ ở hiện tại: Số nhà 15 Ngõ 41 Phố Bùi Xương Trạch – Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội.

7. Trình độ văn hóa: 12/12.

8. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tổ chức và quản lý vận tải, Kỹ sư Kinh tế vận tải đường sắt.

9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ tháng 9/1995 đến tháng 6/2000	Đại học GTVT Hà Nội	Kỹ sư Kinh tế vận tải đường sắt	Không	Không
Từ tháng 10/2006 đến tháng 12/2009	Đại học GTVT Hà Nội	Thạc sỹ Tổ chức và quản lý vận tải đường sắt	Không	Không

10) Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
10/2000-12/2000	Ga Giáp Bát	Tập sự chức danh gác ghi	Không	Không
01/2001 - 12/2003	Ga Giáp Bát	Làm các chức danh Gác ghi, Trục ban Chạy tàu, Điều độ ga tại đội chạy tàu 2	Không	Không
12/2003 -	Ga Giáp Bát	Đội phó đội chạy tàu 2		

11/2004				
12/2004-09/2006	Ga Giáp Bát	Đội trưởng đội chạy tàu 3		
10/2006-6/2007	Ga Giáp Bát	UVBCH Đảng bộ -Đội trưởng đội chạy tàu 3		
7/2007-12/2008	Ga Giáp Bát	UVBCH Đảng bộ - Phó phòng Kỹ thuật nghiệp vụ		
01/2009-8/2009	Ga Giáp Bát	UVBCH Đảng bộ - Phó phòng phụ trách phòng Tài chính kế toán		
9/2009-12/2014	Ga Giáp Bát	UVBCH Đảng bộ -Trưởng phòng Tài chính kế toán		
01/2015-9/2015	Chi nhánh VTĐS Hà Nội	UVBCH Đảng bộ - Trạm trưởng trạm VTĐS Hà Nội		
10/2015 – 8/2016	Chi nhánh VTĐS Hà Nội	UVBCH Đảng bộ - Trưởng phòng Nhân chính		
9/2016 - 4/2017	Chi nhánh VTĐS Hà Nội	UVBCH Đảng bộ, UVBTV Công đoàn – Trưởng phòng Nhân chính		
5/2017 - 11/2018	Chi nhánh VTĐS Hà Nội	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CPVTĐS Hà Nội; UVBCH Đảng bộ, UVBTV Công đoàn – Trưởng phòng Nhân chính – Chi nhánh VTĐS Hà Nội;		
12/2018 - 12/2021	Công ty CP VTĐS Hà Nội	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Chánh Văn phòng		
01/2022 - 7/2023	Công ty CP VTĐS Hà Nội	Thành viên Ban Kiểm soát; Phó Chánh Văn phòng; Phụ trách Văn phòng Đảng ủy		
8/2023-14/9/2023	Công ty CP VTĐS Hà Nội	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Chủ nhiệm phụ trách UBKT Đảng ủy, Thành viên Ban Kiểm soát		
15/9/2023 đến nay	Công ty CP VTĐS Hà Nội	Ủy viên BCH Đảng bộ, Phó Chủ nhiệm phụ trách UBKT, Phó Trưởng Ban TC Đảng ủy, Thành viên Ban Kiểm soát		

11. Các chức danh quản lý khác đang đảm nhiệm: Không.

12. Quan hệ nhân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Lê Văn Nga	1945	Đã mất năm 2016		
Mẹ	Trần Thị Cúc	1951	Tập thể Ga Vinh – khối 4, Phường quán Bàu, TP Vinh – Nghệ An.	Hưu trí	
Em ruột	Lê Văn Mạnh	1979	Số nhà 1003, 17T4 – Trung Hòa nhân chính- Thanh Xuân – Hà Nội	Sỹ quan Quân đội	Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Vợ	Hoàng Thị Kiều Diễm	1979	Số nhà 15 Ngõ 41 Phố Bùi Xương Trạch – Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội	Nhân viên	Tập đoàn Tân hoàng Minh
Con	Lê Phương Thảo	2008	Như trên	Học sinh	

13. Các lợi ích có liên quan tới Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội: 1.400 (một ngàn bốn trăm) Cổ phiếu của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội

14. Các thông tin khác (nếu có): Không

Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm Kiểm soát viên Công ty hợp nhất.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chính quyền địa phương, hoặc cơ quan nơi công tác)



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Lê Minh Tuấn

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI KHAI

Lê Trần Hưng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **VƯƠNG PHƯƠNG THẢO** Giới tính: *Nữ*
2. Ngày tháng năm sinh: 31/5/1982 Nơi sinh: Hà Nội
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. CCCD: 001182055461 Cấp ngày: 01/11/2022
- Nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 108, nhà A₁, ngõ 1, phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội.
6. Chỗ ở hiện tại: Phòng 905, nhà A₂, chung cư 229 Phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tổ chức và Quản lý vận tải, Kỹ sư Kinh tế vận tải đường sắt.
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
9/2000 - 4/2005	Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	Kỹ sư Kinh tế vận tải đường sắt.		
9/2006 - 9/2009	Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	Thạc sỹ Tổ chức và Quản lý Vận tải đường sắt.		
10/2010 - 3/2011	Trung tâm đào tạo và phát triển công nghệ FLAI	Tiếng Anh		
3/2017 - 4/2017	Trường Đại học kinh tế Quốc dân	Kế toán viên tổng hợp		
4/2017 - 3/2018	Trường Quản lý cán bộ, Bộ GTVT	Trung cấp Lý luận chính trị		
9/2017 - 01/2018	Trường Trung cấp công nghệ và kinh tế Việt - Hàn	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
5/2005 3/2015	- Công ty Vận tải hành khách đường sắt Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần VTĐS Hà Nội).	Chuyên viên phòng Tổ chức cán bộ - Lao động Công ty.		
4/2015 11/2015	- Công ty Cổ phần VTĐS Hà Nội.	Phó Chánh văn phòng Đảng ủy Công ty.		
12/2015 4/2018	- Công ty Cổ phần VTĐS Hà Nội.	Phó trưởng phòng, phòng Công nghệ thông tin Công ty		
5/2018 - nay	Công ty Cổ phần VTĐS Hà Nội.	Phó trưởng phòng, phòng Công nghệ thông tin kiêm nhiệm chức danh Kiểm soát viên Công ty.		

11. Các chức danh quản lý khác hiện đang đảm nhiệm: Không.

12. Quan hệ nhân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp, Đơn vị công tác
Bố	Vương Đình Khánh	1948	Phòng 903A, chung cư M3-M4 số 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.	Tiến sỹ Kinh tế Vận tải đường sắt, nguyên Phó Tổng giám đốc TCT ĐSVN, đã nghỉ hưu.
Mẹ	Phạm Ngọc Thủy	1955	Phòng 903A, chung cư M3-M4 số 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.	Kỹ sư Kinh tế Xây dựng, Chuyên viên phòng Tài chính kế toán Xí nghiệp VDTXK Hà Nội, đã nghỉ hưu.
Anh/ chị/em ruột	Vương Anh Mỹ	1992	Phòng 805A, chung cư M3-M4 số 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.	Thạc sỹ kinh tế, Chuyên viên kế toán, Quỹ tài chính CN Ngân hàng Maybank Việt Nam.

Vợ/ Chồng	Trương Công Thành	1978	Phòng 905, nhà A2, chung cư 229 Phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận HBT, Hà Nội.	Thạc sỹ Điện tử viễn thông, PM dự án, Ban Quản lý dự án I, Tổng công ty Hạ tầng mạng (thuộc Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN).
Con	Trương Vương Thảo My	2007	Phòng 905, nhà A2, chung cư 229 Phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận HBT, Hà Nội.	Học sinh lớp 11 Chuyên Anh - Nga, trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam, Hà Nội.
Con	Trương Đức Anh	2010	Phòng 905, nhà A2, chung cư 229 Phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận HBT, Hà Nội.	Học sinh lớp 8A7, trường THCS Cầu Giấy, Hà Nội.

13. Các lợi ích có liên quan tới Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội (nếu có): 1.000 Cổ phiếu (Một nghìn cổ phiếu).

14. Các thông tin khác (nếu có): Không

Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm Kiểm soát viên Công ty hợp nhất.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chính quyền địa phương, hoặc cơ quan nơi công tác)



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Minh Tuấn

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

Vương Phương Thảo

Vương Phương Thảo

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua việc giới thiệu
bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty hợp nhất**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn;

Căn cứ dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất;

Căn cứ Nghị quyết số 03-24/NQ-HĐQT ngày 07/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024,

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn và dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất, Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Do đó, để kiện toàn nhân sự cho Công ty hợp nhất, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty thông qua việc giới thiệu bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty hợp nhất như sau:

1. Giới thiệu ông Đào Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn để HĐQT Công ty hợp nhất bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty hợp nhất.

2. Giao cho HĐQT Công ty hợp nhất ban hành Quyết định bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty hợp nhất đối với ông Đào Anh Tuấn.

(Sơ yếu lý lịch kèm theo)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đào Anh Tuấn

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ 02/2022 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT		

11. Các chức danh quản lý khác hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức danh	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến/...../.....

12. Quan hệ nhân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Đào Xuân Thùy	1945		Hưu trí	
Mẹ	Nguyễn Thị Diễm	1945	Đã mất		
Vợ	Nguyễn Thị Thùy Tiên	1978	Số 137/4A Xuyên Á, Dĩ An, Thuận An, Bình Dương	Kế toán	Tổng công ty 28 – TCHC Bộ Quốc phòng
Con gái	Đào Quỳnh Anh	2004	Số 137/4A Xuyên Á, Dĩ An, Thuận An, Bình Dương	Sinh viên	
Con gái	Đào Quỳnh Giang	2012	Số 137/4A Xuyên Á, Dĩ An, Thuận An, Bình Dương	Học sinh	
Chị	Đào Kim Bích	1968	Số 31/10/20 Đường 44, P.14, Gò Vấp, TP.HCM	CNV	Đoàn TVĐS Phương Nam
Anh	Đào Hùng Ngọc	1970	Số 198 Xóm Đất, P.10, Q.11, TP HCM	CNV	Chi nhánh VTĐS Sài Gòn

13. Các lợi ích có liên quan tới Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (nếu có):

Số lượng cổ phần nắm giữ hoặc được ủy quyền: 25.659.160 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 7.100 cổ phần

Đại diện sở hữu: 25.652.060..... cổ phần

14. Các thông tin khác (nếu có):

Tôi xin cam đoan về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chính quyền địa phương, hoặc
KI TÔNG GIÁM ĐỐC
PHO TÔNG GIÁM ĐỐC
nơi công tác)



Đỗ Đình Duyệt

TP. HCM..., ngày 23 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đào Anh Tuấn